ƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 000429

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Nguyễn Văn Tiến	Nguyễn Ngọc Trọng	Nguyễn Văn Tiến	Nguyễn Ngọc Trọng

Số SV có mặt: 16
Số bài thi: .....
Số tờ giấy thi: .....

học: **Thực tập tiện 1 (227060) - Nhóm 03**
: **Nguyễn Ngọc Trọng (270012)**

Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2121030113	NGUYỄN TẤN	BẢO	27/03/2003	CCQ2103D				7,2	7,0	7,1	7	1
2121030157	CHÂU VĂN	HẢI	16/10/2002	CCQ2103D				7,1	7,0	7,0	7	0
2121040002	LÊ CHÍ	HÀO	03/04/2003	CCQ2104A				8,6	9,0	8,8	8	8
2121040004	NGUYỄN TẤN	HẬU	16/10/2003	CCQ2104A				7,5	7,0	7,2	7	2
2121030137	HUỲNH DUY	HOAN	30/01/2002	CCQ2103D				7,1	8,0	7,6	7	6
2121040018	NGUYỄN THANH	HƯNG	04/04/2003	CCQ2104A				7,4	8,0	7,8	7	8
2121040012	TRẦN NGUYỄN NHẬT	KHA	18/12/2003	CCQ2104A				6,0	7,0	6,6	6	6
2121040019	NGUYỄN HỮU	MINH	25/03/2002	CCQ2104A				7,8	7,0	7,3	7	3
2121040020	LƯƠNG ĐẮC	NHÂN	09/03/2001	CCQ2104A				7,9	8,0	8,0	8	0
~~2120030181~~	~~TÔN VĂN~~	~~QUÍ~~	~~03/09/2002~~	~~CCQ2003F~~								
~~2120030191~~	~~CAO MINH~~	~~TÀI~~	~~24/06/2001~~	~~CCQ2003F~~								
2121040008	CAO MẪU TRÂN	TÂM	30/06/2003	CCQ2104A				9,4	8,5	8,9	8	9
2121040015	NGUYỄN TRÍ	TÂM	05/12/2003	CCQ2104A				7,6	7,0	7,2	7	2
2121040009	CHÂU HỒ NGỌC	THỊNH	24/07/2003	CCQ2104A				6,6	8,0	7,4	7	4
2121040016	TỐNG MINH	TIẾN	07/06/2003	CCQ2104A				7,6	8,0	7,8	7	8
2121030107	PHAN MINH	TRÍ	02/11/2003	CCQ2103D				7,5	9,0	8,4	8	4
2121040001	TRẦN DUY	TƯỜNG	08/01/2003	CCQ2104A				8,4	9,0	8,8	8	8
2121040023	PHAN ANH	VŨ	06/07/2003	CCQ2104A				9,0	8,0	8,4	8	4

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng : 003642

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

Số SV có mặt: 13
Số bài thi: 13
Số tờ giấy thi: .....

n học: **Thực tập tiện 1 (227060) - Nhóm 01**
GD: **Nguyễn Thanh Tâm (270007)**

	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	2117030069	PHẠM QUỐC	BẢO	05/07/1997	CCQ1703B				6,8	7,5	7,2	7	2
	2117030260	KIỀU VĂN	BẰNG	10/07/1997	CCQ1703E				6,3	6,5	6,4	6	4
	2118030139	TỐNG THÀNH	DANH	23/05/2000	CCQ1803C				8,7	9,0	8,9	8	9
	~~2116030147~~	~~BÙI LINH~~	~~DUY~~	~~15/06/1998~~	~~CCQ1603C~~								
	2118030076	NGUYỄN HỮU	DƯ	27/04/2000	CCQ1803B				7,6	8,0	7,8	7	8
	~~2118030279~~	~~NGUYỄN MINH~~	~~HẢI~~	~~30/04/2000~~	~~CCQ1803E~~								
	2118030290	NGUYỄN CÔNG	THÌN	20/10/2000	CCQ1803E				6,6	6,5	6,5	6	5
	2118140019	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	03/06/1998	CCQ1814A				8,0	8,0	8,0	8	0
	2118140020	TRẦN CÔNG	KIÊN	15/10/2000	CCQ1814A				8,0	8,5	8,3	8	3
	2118030166	LÊ TRẠNG	NGUYÊN	20/10/2000	CCQ1803C				7,3	7,5	7,4	7	4
	~~2120040023~~	~~BÙI VŨ~~	~~NHẤT~~	~~20/11/1994~~	~~CCQ2004A~~								
	2118030168	NGUYỄN HỒNG	NHẬT	07/01/2000	CCQ1803C				6,7	7,5	7,2	7	2
	~~2118140037~~	~~LÊ THÀNH~~	~~TÂM~~	~~07/04/2000~~	~~CCQ1814A~~								
	2118030043	TRẦN MINH	TÂM	29/07/1997	CCQ1803A				7,2	7,5	7,4	7	4
	2118030046	LỮ HOÀNG	THÁI	20/09/2000	CCQ1803A				6,8	6,5	6,6	6	6
	2118140041	HỒ VĂN	THỐNG	03/11/2000	CCQ1814A				6,3	6,5	6,4	6	4
	2118030189	NGUYỄN TRUNG	TRỰC	21/10/2000	CCQ1803C				7,0	7,0	7,0	7	0

In : 09/04/2021